TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ST** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **157**/2024/DS-ST Ngày: 27-8-2024. V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ST, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hữu Thắng.

2. Ông Dư Văn Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ST*** *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thuý Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Lương Tùng T**, sinh năm 19XX. Địa chỉ: Số A, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Trần Lam S**, sinh năm 19XX. Địa chỉ: Số B, đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lương Tùng T trình bày:**

Vào ngày 23/6/2022 giữa ông T và ông Trần Lam S có giao dịch mua bán vật liệu xây dựng. Tính từ ngày 23/6/2022 đến ngày 25/10/2022 ông T đã bán vật liệu xây dựng cho ông S với tổng số tiền là 136.000.000 đồng, việc giao nhận hàng hóa đã thực hiện xong nhưng ông S không trả tiền cho ông T. Đến ngày 03/11/2023 ông Trần Lam S có viết tờ cam kết trả nợ cho ông Lương Tùng T và tại biên bản hòa giải tại Ban nhân dân khóm 3, phường 8, thành phố ST ông Trần Lam

S hứa hẹn sẽ trả số nợ trên nhưng đến nay ông S vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay ông Lương Tùng T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Lam S phải trả cho ông T số tiền còn nợ mua vật liệu xây dựng là 136.000.000 đồng và yêu cầu ông S phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 03/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/8/2024 (07 tháng 23 ngày). (136.000.000 x 0,83%/tháng x 07 tháng 23 ngày) = 8.767.013 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 144.767.013 đồng.

*** Đối với bị đơn ông Trần Lam S:** Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông S biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông S không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án. Đồng thời bị đơn ông S cũng không cung cấp chứng cứ và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Lam S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Nguyên đơn ông Lương Tùng T khởi kiện bị đơn ông Trần Lam S có địa chỉ tại thành phố ST và trong quá trình giải quyết cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lương Tùng T đều cho rằng khoản tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả là số tiền phát sinh từ việc phía bị đơn mua hàng hóa của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án xác định quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản". Nay Hội đồng xét xử xác định lại đây là vụ án dân sự, quan hệ pháp luật để giải quyết là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố ST theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 26/8/2024, nguyên đơn thay đổi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi tính từ ngày 04/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, việc thay đổi

một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện không vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn 136.000.000 đồng, thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn ông S phải trả 136.000.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng mà ông S còn nợ ông T. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn ông T cung cấp bản chính:

- "Tờ cam kết" được viết tay trên một mặt giấy kẻ ngang có nội dung: *"Hôm nay vào lúc 10h 30 phút ngày 03/11/2023. Tại Ban nhân dân khóm 3, phường 8, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. Tôi tên TRẦN LAM S, sinh năm 19XX. CCCD số 0911085004168. Hộ khẩu thường trú tại số B, B1, khóm B2, phường B3, thành phố ST. Tôi có nợ tiền mua vật liệu xây dựng của anh Lương Tùng T. Sinh năm 19XX. Hộ khẩu thường trú tại số A, đường A1, khóm A2, phường A3, tỉnh Sóc Trăng. Tổng số tiền = 136.000.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu đồng). Nay tôi làm cam kết này đến ngày 15/12/2023 tôi sẽ hoàn trả đủ số tiền cho anh Lương Tùng T, nếu sai theo cam kết tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nhà nước. Phía dưới Tờ cam kết có các chữ ký và có ghi họ và tên tên Lương Tùng T, Trần Lam S, Võ Hồng T1"*.

- "Biên bản hoà giải" tại Ban nhân dân khóm A3, phường A3, thành phố ST, được viết tay trên 02 mặt giấy kẻ ngang. Diễn biến quá trình hoà giải có nội dung: .... *"Ông Trần Lam S có ý kiến chưa có tiền để trả cho ông T xin hẹn lại đến ngày 31/01/2024 trả 50 triệu đồng, còn lại 86 triệu đồng đến ngày 30/4/2024 sẽ thanh toán đủ - Ý kiến của ông Lương Tùng T: Thống nhất theo thời gian trả nợ của ông S, nếu ông S không thực hiện đúng thời gian hẹn thì xin chuyển hồ sơ lên cấp trên giải quyết. Phía dưới biên bản có các chữ ký và có ghi họ và tên tên Lương Tùng Th, Trần Lam S, Võ Hồng T1, Nguyễn Hồng C"*.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố ST đã thông báo hợp lệ cho bị đơn ông Trần Lam S biết về yêu cầu khởi kiện, cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên ông S không trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định chứng cứ và những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử công nhận việc ông S có mua vật liệu xây dựng của ông T là có thật.

Như vậy, trên thực tế giữa ông Lương Tùng T và ông Trần Lam S có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa. Các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Xét thấy ông S đã mua hàng, đã nhận hàng hóa của ông T và còn nợ lại ông T số tiền 136.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1

Điều 440 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định số tiền vốn ông S còn nợ ông T là 136.000.000 đồng.

[2.2] Xét về số tiền lãi, thấy rằng:

Theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Lam S trả số tiền 136.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Thời hạn tính lãi từ ngày 03/11/2023 đến ngày ông Trần Lam S trả hết nợ. Tại đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 26/8/2024. Ông T chỉ yêu cầu ông S trả lãi trên số tiền 136.000.000 đồng (thời gian chỉ tính từ ngày 04/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/8/2024 là 07 tháng 23 ngày) theo mức lãi suất là 0,83%/tháng, Cụ thể (136.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 07 tháng 23 ngày) = 8.767.013 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi là 144.767.013 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng số tiền bị đơn ông Trần Lam S phải trả cho nguyên đơn ông Lương Tùng T là 144.767.013 đồng (Trong đó tiền vốn là 136.000.000 đồng, tiền lãi là 8.767.013 đồng).

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 92; khoản 1 Điều 95; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 430; khoản 1 Điều 440; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lương Tùng T: Buộc bị đơn ông Trần Lam S phải trả cho nguyên đơn ông Lương Tùng T tổng số tiền vốn và lãi là 144.767.013 đồng (Trong đó tiền vốn là 136.000.000 đồng, tiền lãi là 8.767.013 đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Lam S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 7.238.351 đồng.

Nguyên đơn ông Lương Tùng T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Lương Tùng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.508.000 đồng theo biên lai số 0001528 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Kể từ ngày ông Lương Tùng T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Trần Lam S còn phải trả lãi cho ông Lương Tùng T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền vốn chưa thanh toán.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phan Thanh Loan